

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2018.

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Xuân.

2/ Ông Nguyễn Văn Còn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 27/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 50/2018/TLST- HNGĐ ngày 13/4/2018 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Trần Thị Kim P**, sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ: Số x Ấp x, xã V, huyện C, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* **Ông Lê Văn D**, sinh năm 1958. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn bà Trần Thị Kim P trình bày:

Do mai mối và được sự đồng ý của gia đình hai bên nên bà và ông Lê Văn D chung sống với nhau vào năm 2013, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn

và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày xx/x/201x. Sau khi sống chung, vợ chồng sinh sống tại Ấp x, xã V, huyện C, tỉnh L. Đến năm 2016, vợ chồng sinh sống tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L. Vợ chồng chung sống thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, sống không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nên bà và ông D đã ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay, bà về sinh sống tại Ấp x, xã V, huyện C, tỉnh L.

Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn D.

Vợ chồng chưa có con chung.

Về chia tài sản chung: Bà P xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ trả nợ: Bà P xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn ông Lê Văn D trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các thông báo về phiên hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng ông D vắng mặt không có lý do. Do ông D vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Lê Văn D vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị P có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ chấp nhận cho đương sự được ly hôn với ông Lê Văn D. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà P yêu cầu được ly hôn với ông D, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa bà và ông D không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông D cắt đứt

quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 01/2018 cho đến nay. Xét, hôn nhân giữa bà P và ông D có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số xx/201x ngày x/x/201x, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này chứng minh ông D không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà P là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

[6] Về chia tài sản: Bà Phụng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[7] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[8] Án phí: Bà Trần Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 228; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51; 56; 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Kim P và ông Lê Văn D.

2. Án phí: Bà Trần Thị Kim P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006322 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà P đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Tân Trụ.
- CC THA DS huyện Tân Trụ.
- Các đương sự.
- **UBND xã B, huyện T;**
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa